TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Y** **TỈNH VĨNH PHÚC**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2024/HNGĐ-ST
Ngày 05-01-2024
V/v tranh chấp hôn nhân gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Y, TỈNH VĨNH PHÚC

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Song Lưu

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Văn Khảm và ông Trần Văn Học

Thư ký phiên toà: Ông Nguyễn Việt Anh, Thư ký Toà án nhân dân huyện Y

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Xuân, Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Y xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 231/2023/TLST - HNGĐ ngày 01 tháng 11 năm 2023, về việc tranh chấp hôn nhân và gia đình, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 43/2023/QĐST -HNGĐ ngày 13 tháng 12 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Thị T, sinh năm 1991; địa chỉ: thôn 3 G, xã Tr, huyện Y, Vĩnh Phúc; hiện đang cư trú tại: thôn P, xã H, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc, có mặt.

2. Bị đơn: Anh Trần Quang V, sinh năm 1988; địa chỉ: thôn 3 G, xã Tr, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 25 tháng 9 năm 2023 và những lời khai tiếp theo nguyên đơn chị Lê Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị kết hôn với anh Trần Quang V trên cơ sở được tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 04.12.2009 tại Ủy ban nhân dân xã Tr. Quá trình chung sống, tình cảm vợ chồng bình thường đến năm 2015 phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm và do anh V lười lao động. Chị khuyên nhưng anh V không thay đổi mà thường đánh, chửi chị nên vợ chồng nhiều lần ly thân rồi lại đoàn tụ. Từ tháng 9/2023, anh đánh, đuổi nên chị phải trở về sống cùng bố mẹ chị tại thôn P, xã H, huyện Y. Vợ chồng ly thân và cắt đứt quan hệ tình cảm từ đó đến nay. Chị xét thấy tình cảm không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh V.

Về quan hệ giao nuôi con chung: Chị T xác định có 02 con chung là Trần Thị Lan H, sinh ngày 22/7/2010 và Trần Quang V1, sinh ngày 16/5/2015, hai cháu đang sống cùng anh V. Ly hôn, chị đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Trần Thị Lan H, để anh V được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Trần Quang V1. Chị và anh V không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Tại phiên tòa, chị T xác định, sau khi Tòa án ra quyết định đưa vụ án ra xét xử, chị và anh V đã thực hiện việc giao nuôi con chung cho nhau, hiện cháu H đang sống cùng chị, cháu V1 vẫn sống cùng anh V.

Về quan hệ tài sản: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Trần Quang V trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh xác nhận về quá trình kết hôn, thời gian mâu thuẫn, thời gian ly thân như chị T trình bày là đúng. Nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm. Từ năm 2020 đến nay, chị T nhiều lần tự bỏ về sống cùng bố mẹ chị, được thời gian vợ chồng lại đoàn tụ. Nay, anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị T xin ly hôn, anh đồng ý.

Về quan hệ giao nuôi con chung: Anh V xác định có 02 con chung như chị T trình bày. Ly hôn, anh đồng ý để chị T được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Trần Thị Lan H; anh được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Trần Quang V1. Chị T và anh không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau.

Về quan hệ tài sản: Anh V không yêu cầu giải quyết.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự; các đương sự thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, cho chị T được ly hôn V; về con chung: Giao chị T được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Trần Thị Lan H, sinh ngày 22/7/2010; anh V được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Trần Quang V1, sinh ngày 16/5/2015. Anh V, chị T không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau và có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở; chị T phải nộp án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng: Chị Lê Thị T có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Trần Quang V; anh V cư trú tại huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc. Do vậy, đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình theo quy định tại Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Tại phiên tòa, bị đơn Trần Quang V vắng mặt và đã có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiếp tục đưa vụ án ra xét xử.

[3]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị T và anh Trần Quang V kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tr, huyện Y, tỉnh Vĩnh Phúc, đây là cuộc hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, đến khoảng năm 2015 phát sinh mâu thuẫn do anh chị kết hôn khi tuổi đời còn trẻ, chưa có nhiều kinh nghiệm sống, anh V vẫn còn mải chơi, lười lao động; chị T không tế nhị trong ứng xử nên vợ chồng nhiều lần sảy ra va chạm, dẫn đến sống ly thân rồi lại đoàn tụ

nhưng không có biện pháp hàn gắn tình cảm. Đến tháng 9/2023, anh chị tiếp tục sống ly thân đến nay. Anh V, chị T đều xác định không còn tình cảm đề nghị Tòa án giải quyết cho anh chị ly hôn. Điều đó chứng tỏ hôn nhân của chị T và anh V đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, cần chấp nhận yêu cầu của chị T, cho chị T được ly hôn anh V là phù hợp.

[4]. Về quan hệ giao nuôi con chung: Chị Lê Thị T và anh Trần Quang V thống nhất xác nhận có 02 con chung là Trần Thị Lan H, sinh ngày 22/7/2010 và Trần Quang V1, sinh ngày 16/5/2015. Ly hôn, chị T, anh V thống nhất thỏa thuận, chị T được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Trần Thị Lan H; anh V được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Trần Quang V1. Chị T và anh V không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau và có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở.

Xét thấy, thực tế sau khi Tòa án ra quyết định đưa vụ án ra xét xử, các đương sự đã tự thỏa thuận thực hiện việc giao nuôi con chung, hiện cháu H về sống cùng chị T, còn cháu V1 vẫn đang sống cùng anh V. Việc thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, phù hợp quy định của pháp luật, phù hợp nguyện vọng của các cháu nên cần chấp nhận.

[5]. Về quan hệ tài sản: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

[6]. Về án phí: Chị Lê Thị T phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[7]. Về ý kiến của Viện kiểm sát tại phiên tòa về việc giải quyết vụ án là có căn cứ, cần xem xét khi quyết định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 51, 56, 57, 81, 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/NQ-UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án, xử:

1. Cho chị Lê Thị T được ly hôn với anh Trần Quang V.

2. Giao cho chị Lê Thị T được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Trần Thị Lan H, sinh ngày 22/7/2010; anh Trần Quang V được tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc cháu Trần Quang V1, sinh ngày 16/5/2015. Chị T, anh V không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho nhau; không ai được cản trở việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung.

3. Chị Lê Thị T phải nộp 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0003048 ngày 01 tháng 11 năm 2023 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Y. Chị T đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

4. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Vĩnh Phúc;
- VKSND huyện Y;
- Chi cục THADS huyện Y;
- UBND xã Tr;
- Các đương sự;
- Lưu VP-HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Song Lưu